

Bản án số: 06/2024/KDTM-PT  
Ngày 24 – 01 - 2024  
V/v: Tranh chấp Hợp đồng chuyển  
nhượng cổ phần.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Đức Phương

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Các ngày 18 tháng 01 năm 2024 và 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 581/2021/KDTM-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3375/2023/QĐ - PT ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần T3

Địa chỉ: Số H L, phường N, thị xã G, Đắk Nông.

Địa chỉ liên lạc: 01 B, Tòa nhà B, Lầu B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Chu Văn Q, Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V

Địa chỉ: Số A Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền ngày 19/3/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Ngọc T thuộc Đoàn luật sư Thành phố H

Địa chỉ: 6 X Hà Nội, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

**Bị đơn:** Tập đoàn T3 – Công ty Cổ phần T3

Địa chỉ: Số A H, Phường F, Quận C, TP . Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Trương Minh T1 – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn T3.

2. Ông Nguyễn Đức L – Chuyên viên pháp chế - Ban Kiểm tra Thanh tra Tập đoàn T3.

Cùng địa chỉ: B N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Ông Phạm Văn T2 – Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kế hoạch và Đầu tư Tập đoàn T3.

Địa chỉ: 4 Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty TNHH T3 - Chi nhánh Thành phố H.

Địa chỉ: Lâu A, Tòa nhà G, G P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

1.1 Bà Nguyễn Thị Mai P

Địa chỉ: F P, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

1.2 Ông Phan Hoàng L1

1.3 Bà Võ Thị H

Cùng địa chỉ: A, Tòa A, G, C B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 15/GUQ-VCBS ngày 08/12/2023)

2. Công ty Cổ phần T3

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

3. Công ty TNHH MTV C

Địa chỉ: Đường DT 741, thôn Phú Thịnh, xã Phú Riêng, tỉnh Bình Phước

4. Công ty TNHH MTV C1

Địa chỉ: D H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

5. Công ty TNHH MTV C2

Địa chỉ: B H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

6. Công ty TNHH MTV C3

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C2, Công ty TNHH MTV C1, Công ty TNHH MTV C, Công ty TNHH MTV C3: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1972

Địa chỉ: B N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người kháng cáo:* Bị đơn Tập đoàn T3-công ty cổ phần T3, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV C3, Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C.

*Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đại diện nguyên đơn trình bày:*

Thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư ngoài ngành của Tập đoàn T3 – Công ty Cổ phần T3 (sau đây gọi tắt là VRG) theo Đề án tái cơ cấu VRG giai đoạn 2012-2015 đã được Thủ Tướng CP phê duyệt theo Quyết định 38/QĐ-TTg ngày 05/01/2013, trong đó có việc thoái vốn tại 05 công ty thủy điện. VRG đã lập Tờ trình số 654/TTr-HĐTVCSVN ngày 27/10/2015 báo cáo Bộ N1 trình Thủ Tướng Chính phủ chấp thuận cho phép bán trọn lô 5 Công ty thủy điện theo phương thức thỏa thuận trực tiếp được quy định tại Quyết định 41/2015/QĐ-TTg của TTCP ngày 15/09/2015. Ngày 23/11/2015 Bộ N1 ký Văn bản số 9553/BNN-QLDN báo cáo Thủ tướng phê duyệt phương án chào bán cổ phần của Tập đoàn và các đơn vị thành viên tại các công ty thủy điện.

Ngày 11/01/2016, Văn phòng C4 ký Văn bản số 190/VPCP-ĐMDN thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ như sau: *“Đồng ý với đề nghị của Bộ N1 cho phép VRG được thoái vốn của Tập đoàn C5 lô 5 công ty thủy điện theo phương thức thỏa thuận trực tiếp như quy định tại Quyết định 41/2015/QĐ-TTg ngày 15/9/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về việc bán cổ phần theo lô. Việc thoái vốn nêu trên phải gắn với nghĩa vụ giải tỏa bảo lãnh của Tập đoàn, chuyển nghĩa vụ trả nợ của Tập Đoàn cho các công ty thủy điện”*.

Ngày 03/02/2016, Bộ N1 đã ký văn bản 985/BNN-QLDN yêu cầu VRG thực hiện thoái vốn 5 Công ty thủy điện theo VB số 190/VPCP-ĐMDN của Thủ Tướng Chính phủ; *“Tập đoàn có trách nhiệm tổ chức lập phương án thoái vốn; Hội đồng thành viên phê duyệt phương án; tổ chức thực hiện đúng quy định”*.

VRG đã thuê đơn vị tư vấn định giá; thuê tổ chức tư vấn chào bán là Công ty TNHH T3 - Ngân hàng TMCP T3 - Chi nhánh Thành phố H (VCBS); thành lập Hội đồng thẩm định năng lực nhà đầu tư; thành lập Hội đồng chào bán cổ phần trọn lô; thông báo, niêm yết công khai, rộng rãi thông tin chào bán.

Ngày 05/10/2016, VCBS đã tổ chức buổi chào giá, kết quả chào bán cạnh tranh về giá, Công ty Cổ phần T3 (sau đây gọi tắt là DaHC) đã trúng với giá 1.415.859.028.150 đồng.

Ngày 25/10/2016 Hội đồng thành viên VRG đã ký Quyết định số 421/QĐ-HĐTVCSVN phê duyệt kết quả chào bán trọn lô cổ phần của VRG cho DaHC.

Sau khi có kết quả trúng thầu, VRG và DaHC đã tiến hành thương thảo các điều khoản của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần theo Phụ lục số 07 của Quy

chế chào bán và đến ngày 08/12/2016, hai bên đã thống nhất và tiến hành ký Hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 về chuyển nhượng trọn lô cổ phần của VRG và các đơn vị thành viên tại các công ty thủy điện.

Mặc dù DaHC đã làm việc trực tiếp nhiều lần, đồng thời đã gửi nhiều văn bản đề nghị nhưng sau ba (03) năm, năm (05) tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN đến nay mà VRG vẫn chưa thực hiện việc chuyển quyền sở hữu cổ phần của VRG và các đơn vị thành viên tại các công ty thủy điện sang DaHC là đơn vị trúng thầu hợp pháp. Vì vậy, quyền lợi hợp pháp của DaHC đang bị xâm hại nghiêm trọng.

Ngày 17/03/2020, DaHC và VRG đã có buổi làm việc với sự có mặt của các lãnh đạo có thẩm quyền của hai bên (Biên bản làm việc ngày 17/03/2020). Theo nội dung biên bản làm việc, VRG đã cam kết ngày 15/04/2020 là thời hạn cuối VRG sẽ có thông báo về việc có tiếp tục thực hiện hay hủy bỏ hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ký ngày 08/12/2016, tuy nhiên đến hôm nay DaHC vẫn chưa nhận được thông báo này từ VRG.

Nay bên nguyên đơn là DaHC xác định yêu cầu khởi kiện đối với bên bị đơn là VRG như sau:

1. Yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016;

2. Buộc VRG hoàn trả cho Công ty Cổ phần T3 khoản tiền đã đặt cọc là 141.410.529.520 đồng (*bằng chữ: Một trăm bốn mươi một tỷ, bốn trăm mười triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng*).

3. Buộc VRG phải chịu phạt vi phạm hợp đồng do không tiếp tục thực hiện hợp đồng: Giá trị phạt vi phạm hợp đồng là: 113.268.722.252 đồng (1.415.859.028.150 đồng x 8%) (*Bằng chữ: Một trăm mười ba tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng*).

4. Buộc VRG bồi thường thiệt hại đối với số tiền DaHC đã đặt cọc theo lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba (03) Ngân hàng Thương mại Cổ phần T3 là 9,5% x 1,5 x 50% = 7,125 % tạm tính đến ngày 13/4/2021 là: 45.215.915.922 đồng.

*Đại diện hợp pháp bị đơn trình bày:*

Bị đơn không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì:

VRG không có thẩm quyền, không thể quyết định về việc hoàn trả khoản tiền mà DaHC đang ký quỹ đấu giá/đấu thầu gửi tại tài khoản của V1. Thực tế Hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 vẫn đang trong quá trình/tiến trình thực hiện và chờ kết quả phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nghĩa là hợp đồng chưa phát sinh hiệu lực thực hiện, do đó VRG không thể can thiệp vào khoản ký quỹ của DaHC tại VCBS.

Hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 như đã trình bày ở trên, VRG vẫn đang thực hiện, mong muốn thực hiện; VRG chưa khi nào và không có bất cứ văn bản, tài liệu nào thể hiện và/hoặc thông báo đến DaHC về việc không thực

hiện hợp đồng. Do đó, nói VRG phải chịu phạt do vi phạm không thực hiện hợp đồng là không có cơ sở.

VRG không nhận khoản tiền đặt cọc nào của DaHC; VRG cũng không hưởng bất cứ lợi ích vật chất hoặc lợi ích tương tự khác từ DaHC. VRG bác bỏ yêu cầu bồi thường thiệt hại của DaHC như đơn kiện đã nêu.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T3 - Ngân hàng TMCP T3 (VCBS) có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại Công văn số 03A/CV-VCBS-KSNB ngày 26/3/2020 VCBS đã trình bày:*

VCBS không tham gia quá trình đàm phán, thỏa thuận, ký kết Hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016, do đó VCBS không có ý kiến đối với hợp đồng này. Khoản tiền 141.410.529.520 đồng (*bằng chữ: Một trăm bốn mươi một tỷ, bốn trăm mười triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng*) VCBS đang tạm giữ tại tài khoản phong tỏa và VCBS sẽ chuyển vào tài khoản được chỉ định trong trường hợp VRG và HaHC có thông báo cùng chấp thuận về tài khoản nhận tiền theo quyết định của Tòa án.

VCBS không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của VRG.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C2, Công ty TNHH MTV C1, Công ty TNHH MTV C, Công ty TNHH MTV C3 có ông L đại diện ủy quyền thống nhất trình bày:*

Về việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C2, Công ty TNHH MTV C1, Công ty TNHH MTV C, Công ty TNHH MTV C3 xuất phát từ tình hình đầu tư, kinh doanh, tài chính của công ty tại thời điểm trước những năm 2012 theo định hướng chung của ngành cao su. Tuy nhiên, theo chủ trương của nhà nước, của chính phủ những năm từ 2014 là các doanh nghiệp nhà nước nói chung, trong đó có doanh nghiệp chúng tôi thuộc ngành cao su, thuộc VRG phải tập trung vào hoạt động kinh doanh chính là cao su và các ngành khác liên quan đến cao su. Do đó theo chủ trương và hướng dẫn của VRG, công ty phải thoái vốn khỏi những ngành nghề không phải là ngành kinh doanh chính, trong đó có phần vốn đầu tư đã góp vào Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C2, Công ty TNHH MTV C1, Công ty TNHH MTV C, Công ty TNHH MTV C3.

Việc thoái vốn đã được thống nhất cao từ Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C2, Công ty TNHH MTV C1, Công ty TNHH MTV C, Công ty TNHH MTV C3 với VRG, quá trình được thực hiện khẩn trương và theo hướng là để cơ quan mẹ Tập đoàn (VRG) làm đầu mối thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ ngành chủ quản và qui định pháp luật liên quan.

Quá trình thực hiện thoái vốn/chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp như đã trình bày ở trên. Để thống nhất và tập trung vào một đầu mối là VRG vào ngày 31/12/2014, Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C2, Công ty TNHH MTV C1, Công ty TNHH MTV C, Công ty TNHH MTV C3 (đơn vị thành viên trong

VRG) đã ký kết hợp đồng ủy thác VRG để thực hiện việc bán cổ phần, phần vốn góp của mình cho nhà đầu tư trúng đấu giá mua cổ phần/phần vốn góp.

Những vấn đề trong việc bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C2, Công ty TNHH MTV C1, Công ty TNHH MTV C, Công ty TNHH MTV C3 hoàn toàn do VRG thực hiện theo chủ trương nhà nước, qui định pháp luật. Hàng năm tại các cuộc họp trong ngành hoặc những cuộc họp khác với các công ty trên thì VRG đều đã có thông báo, thông tin về việc thực hiện qui trình, trình tự thực hiện theo hợp đồng ủy thác nêu trên; cụ thể là:

- VRG đã đi đến quá trình ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp tại các công ty thủy điện – trong đó có một phần của chúng tôi tại Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C2, Công ty TNHH MTV C1, Công ty TNHH MTV C, Công ty TNHH MTV C3 cho Công ty Cổ phần T3 theo hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 và hợp đồng sẽ có hiệu lực thực hiện kể từ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá (theo qui định pháp luật); việc hợp đồng 3785, sau này hợp đồng được thực hiện hoàn thành thì phần vốn/tiền bán cổ phần, phần vốn góp của chúng tôi (theo giá thẩm định giá, giá trúng đấu giá như trong hợp đồng 3785) sẽ được chuyển trả về Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C2, Công ty TNHH MTV C1, Công ty TNHH MTV C, Công ty TNHH MTV C3.

- Do việc thực hiện hợp đồng 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 giữa VRG với DaHC có sự kéo dài ngoài mong muốn của các bên vì có sự điều chỉnh, thay đổi một số qui định pháp luật liên quan; điều này dẫn tới DaHC có đơn khởi kiện VRG đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

- Thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của mình, căn cứ các hồ sơ pháp lý và những tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C2, Công ty TNHH MTV C1, Công ty TNHH MTV C, Công ty TNHH MTV C3 hoàn toàn thống nhất với VRG về những ý kiến căn cứ pháp lý, những cam kết, thỏa thuận ký kết trong hợp đồng 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 để cùng với VRG bác bỏ toàn bộ nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện của nguyên đơn.

***Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 581/2021/KDTM-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:***

*Áp dụng Điều 38, Điều 39, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 217, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;*

*Áp dụng Điều 301, Điều 312, Điều 314 Luật Thương mại năm 2005;*

*Áp dụng Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;*

*Áp dụng Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;*

*Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần T3.*

*1.1. Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 giữa Công ty Cổ phần T3 và Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần.*

*1.2. Buộc Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần T3 hoàn trả cho Công ty Cổ phần T3 khoản tiền đã đặt cọc là 141.410.529.520 đồng (bằng chữ: Một trăm bốn mươi một tỷ, bốn trăm mười triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng).*

*1.3. Buộc Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần T3 phải chịu phạt vi phạm hợp đồng là 113.268.722.252 đồng (bằng chữ: Một trăm mười ba tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng).*

*1.4. Buộc Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần T3 số tiền lãi là 45.215.915.922 đồng (bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ, hai trăm mười lăm triệu, chín trăm mười lăm nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng).*

*Việc thi hành được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.*

*1.5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần T3 về việc buộc Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần bồi thường bằng một lần tiền cọc là 141.410.529.520 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.*

*2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

*2.1. Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần T3 phải chịu án phí trên số tiền hoàn trả cho nguyên đơn. VRG phải chịu án phí là 407.895.168 đồng (bằng chữ: Bốn trăm lẻ bảy triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng).*

*2.2. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 761.929.514 đồng (bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi một triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm mười bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0045602 ngày 07/02/2020 và số tiền 124.705.265 đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn, hai trăm sáu mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0091685 ngày 05/6/2020 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần T3.*

*Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.*

*Ngày 07/5/2021 bị đơn Tập đoàn T3 – công ty Cổ phần T3 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV C3, Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C kháng cáo toàn bộ bản án.*

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định kháng nghị số 33/QĐ-VKS-KDTM kháng nghị bản án theo hướng sửa bản án không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần buộc VRG phải chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng 113.268.722.252 đồng và bồi thường tiền lãi 45.215.915.922 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn nêu lên các tình tiết để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cụ thể Hội đồng thành viên của VRG hoàn toàn có thẩm quyền để quyết định việc chuyển nhượng vốn cho DaHC, mặc dù phía VRG cho rằng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nhưng các cơ quan hữu quan đều đã có văn bản thống nhất chủ trương thoái vốn nhưng phía VRG vẫn chần chừ không thực hiện dẫn đến thiệt hại cho phía nguyên đơn. Căn cứ hợp đồng thì VRG có lỗi nên VRG phải chịu phạt hợp đồng và phải chịu lãi.

Bị đơn tranh luận: VRG nêu lên các chứng cứ chứng minh VRG đã thực hiện hết trách nhiệm của mình, nhưng do có sự thay đổi về pháp luật dẫn đến hợp đồng không thực hiện được. Ngoài ra VRG còn nêu một số căn cứ khác để chứng minh là mình không có lỗi khi thực hiện hợp đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật của luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về mặt ý chí của các bên: thông qua các bản cam kết, quy chế chào bán cổ phần số 325, các quy định trong hợp đồng số 3785 xác định DaHC đã biết rõ quy trình, trình tự các bước thực hiện trước, sau khi đấu thầu. Hợp đồng có hiệu lực sau khi phê duyệt kết quả nhà đầu tư của cấp có thẩm quyền là Thủ tướng chính phủ được quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 4 nghị quyết số 41.

Đối với VRG, khi thực hiện hợp đồng số 3785, VRG đã có nhiều văn bản gửi cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ thực hiện nhưng chưa có kết quả giải quyết cuối cùng để thực hiện thể hiện ý chí mong muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng số 3785. Tại phiên hôm nay, VRG cũng đã nêu ra được những thiệt hại xảy ra cho mình. Do đó có cơ sở để xác định phía nguyên đơn và VRG không có lỗi trong vụ việc này, vấn đề ở đây cần giải quyết là việc áp dụng pháp luật.

Theo bản án sơ thẩm cho rằng các quyết định số 4804 và 2209 là việc trình thủ tướng phê duyệt nhà đầu tư là không có cơ sở. Viện kiểm sát kết luận rằng tại văn bản số 1407 ngày 23/9/2019 của Ủy ban quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp có kiến nghị tại trang 7 như sau: “Tại thời điểm hiện tại đề nghị phương án xử lý cho Tập đoàn T3 là Thủ tướng Chính Phủ công khai kết quả lựa chọn nhà



đầu tư mua trọn 5 lô theo báo cáo số 4804 là không có cơ sở để thực hiện”. Văn bản số 1407 này có nội dung tương tự đối với văn bản số 2209 ngày 31/12/2019 mà Tòa án cấp sơ thẩm đã lập luận. Tuy nhiên tại văn bản số 12787 ngày 24/10/2019 Bộ T4 trả lời văn bản số 1407 của Ủy ban quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp thể hiện nội dung: “Vì vậy việc Ủy ban quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp nhận định phương án xử lý tại Tập đoàn T3 là Thủ tướng Chính phủ công khai lựa chọn nhà đầu tư về việc mua trọn 05 lô thủy điện theo báo cáo số 444 có cơ sở là không đúng theo ý kiến chỉ đạo của Chính Phủ theo thông báo số 173 ngày 3/5/2019 của Chính phủ”. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng văn bản số 2209 ngày 31/12/2019 cho rằng việc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đầu tư là không cần thiết, chỉ cần thành viên tập đoàn P1 là trái với ý kiến chỉ đạo của Chính Phủ theo thông báo số 173 ngày 3/5/2019. Cụ thể tại văn bản số 12787 ngày 24/10/2019 của Bộ T4 có nội dung: “Trên cơ sở nhận thấy rằng việc không triển khai hợp đồng là chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt dẫn đến các bên không có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng này”.

Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên một bên bồi thường thiệt hại tương đương số tiền lãi phát sinh từ tiền cọc 141 tỷ đồng là không có cơ sở do các nhận định các bên không có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng số 3785 số tiền cọc 141 tỷ đồng đang được phong tỏa tại đơn vị tư vấn số tiền này không được tính lãi VRG không hưởng lợi từ số tiền cọc này.

Trên cơ sở, đề nghị chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy hợp đồng 3785, trả tiền cọc 141.410.529.520 đồng, không buộc VRG phải chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng 113.268.722.252 đồng và bồi thường tiền lãi 45.215.915.922 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; lời trình bày của các đương sự, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Về việc xác định tư cách đương sự trong vụ án, về quan hệ tranh chấp, về việc xác định thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định.

Về thời hiệu khởi kiện: Xét các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết thời hiệu khởi kiện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

Tòa án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện Công ty Cổ phần T3 về việc buộc Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần bồi thường bằng một lần tiền cọc là 141.410.529.520 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư ngoài ngành của Tập đoàn T3 - Công ty cổ phần (gọi tắt là VRG) theo Đề án tái cơ cấu VRG giai đoạn 2012-2015

đã được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó có việc thoái vốn tại 05 công ty thủy điện. VRG đã lập Tờ trình báo cáo Bộ N1 trình Thủ Tướng Chính phủ chấp thuận cho phép bán trọn lô 5 Công ty thủy điện theo phương thức thỏa thuận trực tiếp được quy định tại Quyết định 41/2015/QĐ-TTg ngày 15/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 11/01/2016, Văn phòng C4 có Văn bản thông báo kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý đề nghị của Bộ N1 cho phép VRG được thoái vốn theo phương thức thỏa thuận trực tiếp theo Quyết định 41/2015/QĐ - TTg về việc bán cổ phần theo lô. Sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, V2 đã thuê đơn vị tư vấn định giá; thuê tổ chức tư vấn chào bán là Công ty TNHH T3 - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (VCBS); thành lập Hội đồng thẩm định năng lực nhà đầu tư; thành lập Hội đồng chào bán cổ phần trọn lô; thông báo, niêm yết công khai, rộng rãi thông tin chào bán. Ngày 05/10/2016, VCBS đã tổ chức buổi chào giá, kết quả chào bán cạnh tranh về giá, Công ty cổ phần T3 (gọi tắt là D) đã trúng với giá 1.415.859.028.150 đồng. Ngày 25/10/2016 Hội đồng thành viên VRG đã ký Quyết định số 421/QĐ-HĐTVCSVN phê duyệt kết quả chào bán trọn là cổ phần của VRG cho DaHC.

Ngày 08/12/2016, VRG và DaHC đã tiến hành ký Hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN (gọi tắt là Hợp đồng) về việc chuyển nhượng trọn lô cổ phần của VRG và các đơn vị thành viên tại các công ty thủy điện. Từ ngày ký kết hợp đồng VRG vẫn chưa thực hiện việc chuyển quyền sở hữu cổ phần sang DaHC. Do quyền lợi bị xâm phạm nên DaHC khởi kiện VRG ra Tòa án yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016; Buộc VRG hoàn trả khoản tiền đã đặt cọc là 141.410.529.520 đồng và phải chịu phạt vi phạm hợp đồng và buộc VRG bồi thường thiệt hại số tiền DaHC đã đặt cọc theo lãi suất nợ quá hạn.

[2.2] Tòa án sơ thẩm nhận định VRG có thẩm quyền ký kết Hợp đồng chuyển nhượng và thực hiện Hợp đồng mà không phụ thuộc vào sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, việc VRG không thực hiện hợp đồng là lỗi của VRG nên tuyên bố chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

1. Thời điểm thực hiện thoái vốn, ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại 05 công ty T3 theo lô, Tập đoàn T3 là tập đoàn N2 chiếm giữ 100% vốn sở hữu (Cơ quan chủ quản là Bộ N1). Do đó VRG phải thực hiện các bước qui trình, thủ tục theo qui định pháp luật và theo các hướng dẫn chỉ đạo thực hiện của các cơ quan chủ quản, của Chính phủ. VRG đã có rất nhiều văn bản, công văn trình đến cơ quan chủ quản, các Bộ ngành Trung ương khác, trên cơ sở đó Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã có văn bản chỉ đạo cụ thể cho VRG về việc thoái vốn, cụ thể nêu tại văn bản số 190/VPCP-ĐMDN ngày 11/01/2016. Như vậy, việc phê duyệt, quyết định chọn nhà đầu tư thì phải được sự chấp thuận từ cơ quan có thẩm quyền, của cơ quan chủ quản, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tại Quyết định số 325/QĐ-HĐTVCSVN ngày 12/8/2016 quy định: “*Trình kết quả lựa chọn nhà đầu tư để Bộ N1 và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt*”.

Ý kiến của B, Ngành liên quan đã xác định rất rõ VRG phải trình kết quả và được phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư mua từ cấp có thẩm quyền mới có cơ sở thực hiện Hợp đồng 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 đã ký.

- Tại Tờ trình số 3043/BNN-QLDN ngày 12/4/2017 của Bộ N1 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư mua trọn lô của Tập đoàn T3: *“Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư mua trọn lô cổ phần của Tập đoàn và các đơn vị thành viên tại công ty T3...”*

2. DaHC và VRG đều nhận thức và xác định quy trình thực hiện việc thoái vốn tại 05 Công ty thủy điện theo phương thức thỏa thuận trực tiếp được quy định tại Quyết định 41/2015/QĐ-TTg ngày 15/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ thì kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện thực hiện được hợp đồng, cụ thể như sau:

Trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng, ngày 01/9/2016 nguyên đơn có Bản cam kết: *“Nếu được chọn là nhà đầu tư ...chúng tôi cam kết khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư ...”*

Biên bản buổi chào bán thỏa thuận trực tiếp ngày 05/10/2016 có 03 nhà đầu tư tham gia, VRG là nhà đầu tư trúng thầu, cũng thể hiện *“Nhà đầu tư mang mã số VRGTD003 là nhà đầu tư trả giá cao nhất và là nhà đầu tư được lựa chọn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt”*.

Hợp đồng số 3785 ngày 08/12/2016, tại khoản 4 Điều 3 quy định về thời hạn thanh toán, hai bên thỏa thuận như sau: *“Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của tổ chức tư vấn về việc kết quả lựa chọn nhà đầu tư mua cổ phần nêu trên là bên B đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”*.

Tại đoạn 2 điểm c khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên nêu: *“Thời gian thực hiện thủ tục này là không quá 3 tháng kể từ ngày kết quả lựa chọn bên B nhà đầu tư mua cổ phần được cấp có thẩm quyền phê duyệt..”*

Tại Điều 4, 9, 10 của Quy chế chào bán đều thể hiện việc lựa chọn nhà đầu tư đều phải được sự chấp thuận cơ quan có thẩm quyền.

Tại khoản 1 Điều 13: *“Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp kết quả lựa chọn nhà đầu tư không được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì các Bên không bị ràng buộc bởi các điều khoản của hợp đồng này”*.

Tại Biên bản làm việc giữa các bên ngày 15/3/2019 (Văn bản số 812/BB-CSVN ngày 20/3/2019) phía DaHC nêu ý kiến như sau: *“... Công ty đề nghị Tập đoàn báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét sớm phê duyệt để Công ty thực hiện hợp đồng tránh gây thiệt hại cho Công ty”*.

Như vậy, về mặt chủ quan thì nhận thức và ý chí của DaHC đã biết rõ trình tự, quy trình các bước thực hiện trước và sau khi trúng thầu, kết quả trúng thầu lựa chọn nhà đầu tư phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì hợp đồng chuyển

nhượng trọn lô cổ phần nêu trên mới có hiệu lực, trên cơ sở đó các bên mới tiến hành các bước theo nghĩa vụ của mỗi bên được nêu trong hợp đồng. Đây là hợp đồng có điều kiện chỉ có hiệu lực thực hiện về các quyền, nghĩa vụ của các bên khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Điều đó khẳng định kết quả lựa chọn nhà đầu tư chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì hợp đồng chưa phát sinh hiệu lực và chưa đủ điều kiện để thực hiện nên không thể buộc lỗi cho VRG.

3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Quyết định 41/2015/QĐ-TTg ngày 15/9/2015 đã bị bãi bỏ bởi Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ mà không có quy định chuyển tiếp đối với việc xử lý nội dung cụ thể của VRG; Do đó, VRG cũng có nhiều văn bản, báo cáo gửi Bộ T4, Bộ Tư pháp, Bộ K và Đầu tư đề đề nghị xem xét, hướng dẫn thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, thoái vốn.

- Ngày 03/5/2019 Văn phòng C4 có Thông báo số 173/TB - VPCP về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình H1 tại cuộc họp với VRG: *“Giao Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát lại toàn bộ quá trình thực hiện việc thoái vốn cả 5 lô công ty T3 thuộc VRG, xác định những bất cập, vướng mắc, nguyên nhân, đề xuất phương án xử lý, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật.”*

- Ngày 29/10/2019, Bộ K và Đầu tư có văn bản số 7994/BKHĐT-PTDN ngày 29/10/2019 gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp với ý kiến: *“Kiến nghị của Tập đoàn T3 về việc công nhận kết quả lựa chọn nhà đầu tư mua trọn lô cổ phần tại 05 công thủy điện là phù hợp với chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ trước đây nhưng chưa đủ cơ sở pháp lý để thực hiện tại thời điểm hiện nay...”* (Nghị định số 32/2018 đã bãi bỏ Quyết định 41/2015 về việc bán cổ phần theo lô)”

- Ngày 22/11/2019, Bộ N1 có văn bản số 9761/BNN-QLDN về việc bán trọn lô cổ phần của Tập đoàn T3 và các đơn vị thành viên tại các công ty thủy điện ghi: *“... Do vậy, nếu thực hiện theo quy định này thì cơ chế bán trọn lô cả 5 công ty thủy điện không qua đấu giá tại Sàn giao dịch chứng khoán phải trình Thủ tướng Chính phủ... Do đó, Bộ N1 đề nghị Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp T5 và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.”*

- Ngày 04/12/2019 Bộ Tư pháp có Văn bản 4804 trong đó nêu quan điểm: *“Nhất trí với ý kiến của Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc Tập đoàn P2 với Bộ T4 rà soát, quyết định việc tiếp tục hoàn thành thủ tục thực hiện bán trọn lô cổ phần ....theo kết quả chào bán và hợp đồng đã ký kết. Trường hợp thấy không đủ căn cứ, cơ sở để tiếp tục thực hiện ... Bộ Tư pháp đề nghị thực hiện lại việc thoái vốn theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước Nghị định số 91/2015 ... (được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định 32/2018 ngày 08/3/2018 của Chính phủ). Trường hợp vượt thẩm quyền, đề nghị báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định”.*

- Ngày 26/5/2020, Văn phòng C4 có văn bản số 4125/VPCP-ĐMDN thông báo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trương Hòa B1 về việc bán trọn lô cổ phần của

Tập đoàn T3 và các công ty thành viên tại các công ty thủy điện với nội dung: “Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp C6, phối hợp với Bộ N1 thực hiện đầy đủ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại thông báo số 173/TB-VPCP ngày 03/5/2019 báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 10/6/2020, trong đó đề xuất rõ phương án xử lý bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.”

- Ngày 17/6/2020, Ủy ban Q1 tại doanh nghiệp có văn bản số 1020/UBQLV-NN về việc Xử lý hợp đồng chuyển nhượng trọn lô 05 công ty thủy điện gửi Tập đoàn, trong đó có nội dung trích lại một phần ý kiến của Bộ N1 tại văn bản số 1590/BNN-QLDN ngày 03/3/2020: “Hiện nay Quyết định số 41/2015/QĐ-TTg ngày 15/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc bán cổ phần theo lô đã bị bãi bỏ từ ngày 01/5/2018 theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước....Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 không có điều khoản quy định cơ chế chuyển tiếp đối với những văn bản cho phép thực hiện thoái vốn theo cơ chế đặc thù nhưng chưa được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.”

4. VRG luôn tích cực có các văn bản báo cáo trình cơ quan cấp trên có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể:

+ Tờ trình số 757/TTr-HĐTVSVN ngày 09/12/2016 về việc trình Bộ N1 đề tiếp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kết quả bán cổ phần trọn lô tại 05 công ty thủy điện.

+ Văn bản số 68/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 13/3/2017 về việc báo cáo thoái vốn các Công ty thủy điện gửi Bộ N1.

+ Văn bản số 434/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 11/10/2017 về việc báo cáo thoái vốn các Công ty thủy điện gửi Bộ N1.

+ Văn bản số 667/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 11/10/2017 về việc thoái vốn theo 5 Công ty T3 gửi Bộ T4.

+ Văn bản số 780/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 30/11/2017 về việc thoái vốn theo lô tại 05 công ty T3 gửi Bộ N1.

+ Văn bản số 355/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 23/5/2018 về việc bán trọn lô cổ phần của VRG tại 05 Công ty T3 gửi Bộ N1.

+ Văn bản số 1385/CSVN-KHĐT ngày 18/10/2018 về việc báo cáo theo công văn số 9493/VPCP-ĐMDN gửi Bộ N1.

+ Văn bản số 1831/CSVN-KHĐT ngày 29/11/2018 về việc bán trọn lô cổ phần của VRG tại các Công ty thủy điện gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Văn bản số 115/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 21/3/2019 về việc đề nghị xem xét giải quyết việc thoái vốn trọn lô cổ phần tại các Công ty thủy điện gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Báo cáo 340/BC-HĐTVCSVN ngày 17/6/2019 về việc bán trọn lô cổ phần của VRG tại các Công ty thủy điện gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Báo cáo 388/BC-HĐTVCSVN ngày 11/7/2019 về việc bán trọn lô cổ phần của VRG tại các Công ty thủy điện gửi Phó Thủ tướng Vương Đình H1.

+ Báo cáo 484/BC-HĐTVCSVN ngày 05/8/2019 về việc bán trọn lô cổ phần hóa của VRG và các công ty thành viên tại các Công ty T3 gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

5. Tại Điều 10 của hợp đồng 3785 “... Trường hợp bất khả kháng: ...điều khoản này cũng được áp dụng trong trường hợp có sự thay đổi trong pháp luật điều chỉnh trực tiếp hoặc gián tiếp tới việc thực hiện hợp đồng này khiến cho việc ký kết hợp đồng này của một hoặc các bên thành vô hiệu...”, như vậy việc hoàn tất thủ tục phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư nhằm phát sinh hiệu lực Hợp đồng là trường hợp chậm trễ bất khả kháng do sự thay đổi của pháp luật được các bên thỏa thuận và cần có sự thống nhất chấp thuận từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Điều này nằm ngoài khả năng quyết định của VRG nên VRG không có lỗi. VRG đã tích cực thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong triển khai thực hiện Hợp đồng, cụ thể là báo cáo, đề xuất Chính phủ, các Bộ, N có liên quan đề nghị phê duyệt kết quả chọn nhà đầu tư để các bên triển khai thực hiện các bước tiếp theo của Hợp đồng, tuy nhiên, hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương cũng chưa rõ và kết quả chọn nhà đầu tư (là DaHC) cũng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nên Hợp đồng chuyển nhượng chưa đủ điều kiện để phát sinh hiệu lực như thỏa thuận của các bên theo.

6. Thỏa thuận về chấm dứt hợp đồng: Tại khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng quy định về đơn phương chấm dứt hợp đồng như sau: “*Điều kiện tiên quyết cho việc chuyển nhượng cổ phần không đạt (không được cấp có thẩm quyền phê duyệt chọn B là nhà đầu tư)*”.

Như phân tích trên, tất cả những thỏa thuận liên quan đến hiệu lực thực hiện hợp đồng hay chấm dứt hợp đồng đều khẳng định kết quả chọn nhà đầu tư phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực tế trong khi kết quả chọn nhà đầu tư chưa được phê duyệt nhưng nguyên đơn đã yêu cầu hủy hợp đồng là quyền tự định đoạt của nguyên đơn, Tòa cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng là có căn cứ.

[2.3] Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đề nghị không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của DaHC đối với yêu cầu buộc VRG phải chịu phạt vi phạm hợp đồng số tiền 113.268.722.525 đồng và bồi thường thiệt hại số tiền lãi 45.215.915.922 đồng.

Xét thấy: Số tiền 141.410.529.520 đồng là tiền ký quỹ 10% chứ không phải tiền đặt cọc. Số tiền được ký gửi tại tài khoản của Tổ chức tư vấn là Công ty TNHH T3 – Chi nhánh Thành phố H là khoản tiền nhà đầu tư đặt cọc/ký quỹ để đảm bảo thực hiện quyền mua cổ phần. Thực tế số tiền này chưa được thanh toán cho VRG nên VRG không được hưởng lợi từ số tiền này nên buộc VRG phải chịu phạt cọc là không có cơ sở.

Số tiền VRG phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng 113.268.722.252 đồng là không đúng vì Hợp đồng chưa đủ điều kiện để phát sinh hiệu lực đầy đủ về quyền, nghĩa vụ như đã phân tích trên; tập đoàn vẫn đang trong quá trình văn bản phát sinh hiệu lực thực hiện hợp đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 chưa có hiệu lực nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện tuyên hủy hợp đồng là đúng. Nhưng phạt VRG vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại tiền lãi phát sinh trên số tiền đặt cọc là không có căn cứ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần T3 nói riêng và vốn của doanh nghiệp nhà nước nói chung.

Do đó, có cơ sở chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của VRG Tập đoàn T3-công ty cổ phần T3, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV C3, Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C.

5. Hiện nay số tiền mà DaHC đã nộp ký quỹ tại Công ty TNHH T3- Chi nhánh Thành phố H; Nếu tuyên như toà sơ thẩm chỉ buộc VRG trả lại số tiền trên thì sẽ gặp khó khăn khi thi hành án. Tại phiên toà phúc thẩm Công ty TNHH T3- Chi nhánh Thành phố H trình bày và có văn bản đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho Công ty TNHH T3- Chi nhánh Thành phố H liên đới với VRG trả lại số tiền trên cho DaHC. Hội đồng xét xử, xét thấy về mặt pháp lý cũng như sự tự nguyện của Công ty TNHH T3- Chi nhánh Thành phố H có cơ sở chấp nhận. Do đó, sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH T3- Chi nhánh Thành phố H liên đới cùng VRG trả lại cho nguyên đơn số tiền 141.410.529.520 đồng.

[5] Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Do nguyên đơn không được chấp nhận số tiền 113.268.722.252 đồng và 45.215.915.922 đồng = 158.484.638.174 đồng nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 112.000.000 đồng + (0,1 % x 154.484.638.174 đồng) = 266.485.000 đồng

Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị sửa nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí.

Bởi các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

I/ Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 33/QĐKNPT-VC3-V4 ngày 21/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn Tập đoàn T3 - công ty cổ phần T3, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV C3, Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C.

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 38, Điều 39, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 217, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 301, Điều 312, Điều 314 Luật Thương mại năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần T3.

1.1. Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 giữa Công ty Cổ phần T3 và Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần.

1.2. Buộc Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần T3 và Công ty TNHH T3 - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả cho Công ty Cổ phần T3 số tiền là 141.410.529.520 đồng (bằng chữ: Một trăm bốn mươi một tỷ, bốn trăm mười triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án mà bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì bên phải thi hành án phải chịu lãi theo mức lãi quy định tại Điều 306 Luật thương mại theo thời gian và số tiền chậm thực hiện.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần T3 về việc: Buộc Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần T3 phải chịu phạt vi phạm hợp đồng là 113.268.722.252 đồng (bằng chữ: Một trăm mười ba tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng) và số tiền lãi là 45.215.915.922 đồng (bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ, hai trăm mười lăm triệu, chín trăm mười lăm nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng).

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần T3 về việc buộc Tập đoàn T3 - Công ty Cổ phần bồi thường bằng một lần tiền cọc là 141.410.529.520 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm :

Công ty Cổ phần T3 phải chịu án phí là 266.485.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 761.929.514 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0045602 ngày 07/02/2020 được hoàn lại số tiền 495.444.514 đồng và hoàn lại số tiền 124.705.265 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0091685 ngày 05/6/2020 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần T3.



4.2. Về án phí phúc thẩm: Tập đoàn T3 - công ty cổ phần T3, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV C3, Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH MTV C không phải chịu án phí, mỗi đương sự được hoàn lại 2.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0094217 ngày 25/5/2021; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0094216 ngày 25/5/2021; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0094215 ngày 25/5/2021; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0094214 ngày 25/5/2021 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (9);
- Lưu: hồ sơ (4), VP(2), 19b (TMH);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Duyên**